TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/3/2020
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiễu

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2019/TLST- HNGĐ) ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Văn Q**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Chị P có mặt, anh Q có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2019 cũng như tại bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 19/9/2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh Q ở xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng chị thường phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hàng ngày của vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách của vợ chồng chị không hợp nhau và anh Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn vợ chồng chị căng thẳng nhất vào tháng 5/2019, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn N, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng chị đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau nữa. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình, họ hàng và bạn bè của hai bên đã nhiều lần hòa giải, động viên, vun vén cho anh chị nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Việc anh Q lựa chọn Tòa án Vũ Thư là nơi giải quyết vụ án ly hôn của anh chị, chị hoàn toàn nhất trí vì chị và anh Q đã bàn bạc với nhau. Hiện nay chị cũng không có thai với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị và anh Q tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Theo Đơn đề nghị và cam kết đề ngày 31/12/2019 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang, bị đơn anh Vũ Văn Q trình bày:***

Quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị P đã trình bày. Quá trình chung sống, do tính tình của vợ chồng anh không hợp nên mâu thuẫn phát sinh, cuộc sống vợ chồng hàng ngày luôn va chạm, cãi vã. Bản thân vợ chồng anh đã tìm biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên cũng đã nhiều lần hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh thì quan điểm của anh cũng xin được ly hôn chị P để giải phóng cho cả hai vì thực tế vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 03/2019 đến nay. Anh đồng ý và lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư là nơi giải quyết ly hôn cho anh và chị Phương. Hiện nay anh đang lao động tự do tại tỉnh Bắc Giang, vì điều kiện xa xôi và công việc bận mải nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo thủ tục vắng mặt anh trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Về con chung: Anh và chị P không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh và chị P tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng để viết bản tự khai, trình bày quan điểm của mình về các mối quan hệ cần giải quyết trong vụ án. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết ly hôn theo thủ tục vắng mặt bị đơn trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị P được ly hôn anh Q.

+ Quan hệ con chung: Chị P và anh Q không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

+ Quan hệ tài sản: Chị P và anh Q đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Chị Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Văn Q nên đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn là anh Vũ Văn Q có nơi cư trú tại thôn M, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang và anh Q, chị P đã có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình là nơi giải quyết vụ án ly hôn của anh chị nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về việc quyết định áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Văn Q đã có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P và nêu quan điểm của anh về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án, đồng thời anh có đơn xin xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Vũ Văn Q kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 19/9/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống, anh chị thường nảy sinh mâu thuẫn, va chạm với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn anh chị đều xác định là do tính cách của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thưởng xuyên bất đồng quan điểm, chị P cho rằng anh Q đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đầu năm 2019 đến nay anh chị đã sống ly thân với nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay cả chị P và anh Q đều có nguyện vọng xin ly hôn để giải phóng cho nhau. Xét thấy chị Phương và anh Q đã sống ly thân, cuộc sống chung của vợ chồng đã chấm dứt trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Phương và anh Q được ly hôn.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị và anh Vũ Văn Q không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị P và anh Vũ Văn Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Vũ Văn Q.

2. Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003690

ngày 31/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị P, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Vắng mặt anh Vũ Văn Q, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Thoan